

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

2. Ông Hoàng Luật.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 7, ấp 4, xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 7, ấp 4, xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2023; bản tự khai ngày 21/11/2023 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàn P tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chăm lo cho gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm

sống. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh P nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàn P.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hoàn P có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 02/7/2014 và Nguyễn Hoàn T, sinh ngày 04/01/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu C và cháu T và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh P không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàn P: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 470/TB-TLVA ngày 21 tháng 11 năm 2023 cho anh P nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh P không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh P không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L và anh P đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Long.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Châu, sinh ngày 02/7/2014 và Nguyễn Hoàn Thành, sinh ngày 04/01/2019. Xét thấy kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Châu và cháu Thành chung sống cùng với chị Long, được chị L chăm sóc tốt, các con chung phát triển bình thường, khỏe mạnh; các con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị Long. Qua thu thập tài liệu tại chính quyền địa phương thể hiện chị L là người có đạo đức tốt, có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, để tránh xáo trộn về sinh hoạt, tâm lý của con chung nên giao cháu Châu và cháu Thành cho chị L trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Hoàn P hiện cư trú tại xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Hoàn P, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn; anh Nguyễn Hoàn P là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hoàn P đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị L và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do anh P không chăm lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và chị L cũng không còn tình cảm với anh P. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị L và anh P thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị Long, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị L và anh P thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh P không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh P đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh P theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 02/7/2014 và Nguyễn Hoàn T, sinh ngày 04/01/2019. Khi ly hôn, chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu C và cháu T. Xét thấy, chị L là cha mẹ có đạo đức tốt, thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung do chị L nuôi dưỡng được chăm sóc tốt, phát triển bình thường và các con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về sinh hoạt và tâm lý. Hội đồng xét xử xét cần giao cháu C và cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàn P.

2) Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Châu, sinh ngày 02/7/2014 và Nguyễn Hoàn Thành, sinh ngày 04/01/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh P có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0009152 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Chị L đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hoàn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện D;
 - Chi cục Thi hành án dân sự D;
 - Các đương sự;
 - UBND xã T
- (GCNKH số 56 ngày 07/3/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

